TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ SƠN TÂY – HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2022/HNGĐ - ST
Ngày: 31 - 5 - 2022
V/v: Tranh chấp hôn nhân gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ SƠN TÂY – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

+ Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lã Hùng Cường

+ Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thi
Bà Đào Thị Minh Nguyệt

- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Lương Ngọc Thắng – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sơn Tây tham gia phiên toà: Bà Cấn Thùy Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 31/5/2022, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý 47/2022/TLST-HNGĐ ngày 23/3/2022, về việc Hôn nhân gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2022/QĐXXST- DS ngày 25/4/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 47/2022/QĐST-DS, ngày 18/5/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị D, sinh năm: 1985
- Bị đơn: Anh Nguyễn Hồng T, sinh năm: 1984

Đều ĐKHKTT: Thôn Đ, xã Đ, thị xã Sơn Tây, Hà Nội.

Chị D có mặt; Anh T vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Tại đơn khởi kiện, quá trình tố tụng tại Tòa án, chị Nguyễn Thị D là nguyên đơn trình bày:

Chị và anh Nguyễn Hồng T kết hôn ngày 22/9/2009 có đăng ký tại UBND xã Đường Lâm, thị xã Sơn Tây. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, sau thì phát sinh mâu thuẫn nặng nề, nguyên nhân bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên căng thẳng, hiện tại đã sống ly thân từ năm 2014 cho đến nay, mỗi người một nơi không còn quan hệ vợ chồng gì nữa. Gia đình hai bên vợ chồng đều biết và có hòa giải nhưng không được mâu thuẫn ngày càng nặng nề hơn. Chị xác định không còn tình cảm vợ chồng vì vậy đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn.

Về con chung chị và anh T có 02 con là Nguyễn Tuyết N, sinh ngày 02/9/2010, cháu Nguyễn Minh A, sinh ngày: 10/12/2011, hiện tại cháu Nguyễn Tuyết N đang ở cùng anh T và bố mẹ đẻ của anh T, cháu Nguyễn Minh A đang ở cùng chị D, hai cháu được chăm sóc ăn học đầy đủ. Khi ly hôn chị D xin nuôi cháu Nguyễn Minh A, cháu Nguyễn Tuyết N có nguyện vọng được ở cùng với bố, chị D đồng ý, chị không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công sức, nợ chung của vợ chồng: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án Toà án đã tiến hành giao các thông báo, triệu tập anh Nguyễn Hồng T để giải quyết vụ án nhưng anh Thanh không đến Tòa án anh Thanh. Tòa án tiến hành xác minh thu thập chứng cứ tại, lấy lời khai của gia đình anh Thanh thì xác định vợ chồng có mâu thuẫn hiện tại đã sống ly thân từ năm 2014, vợ chồng có 02 con chung như chị D trình bày là đúng. Cháu Nguyễn Tuyết N đang ở cùng anh T và bố mẹ đẻ của anh T, cháu Nguyễn Minh A đang ở cùng chị D, hai cháu được chăm sóc tốt. Anh T và gia đình cũng có nguyện vọng được nuôi cháu Nguyễn Tuyết N; Các cháu đều có bản tự khai, nguyện vọng cháu Nguyễn Tuyết N xin được ở với bố; Cháu Nguyễn Minh A xin được ở với mẹ.

Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã công bố các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đúng như lời khai và biên bản xác minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội phát biểu ý kiến:

1. Về việc thực hiện tố tụng của Toà án và các đương sự:

Quá trình tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Chị Dung đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Nguyễn Hồng T đã được Tòa án giao, gửi các văn bản tố tụng theo quy định nhưng tại phiên tòa anh Thanh vắng mặt, vì vậy Tòa án tiến hành xét xử là đúng quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

2. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin hôn của chị Nguyễn Thị D, chị D được ly hôn anh Nguyễn Hồng T. Về con chung giao

cho chị D được trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Minh A, sinh ngày 10/12/2011. Giao cho anh Nguyễn Hồng T được trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Tuyết N, sinh ngày: 02/9/2010, ghi nhận sự tự nguyện của chị D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Tài sản chung, công sức và nợ chung: Chị D xác định là không có. Anh T vắng mặt nên giành quyền yêu cầu giải quyết về tài sản chung, công sức, nợ chung của vợ chồng anh T, chị D bằng một vụ án khác khi anh T có yêu cầu theo quy định của pháp luật. Chị D phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà;

[1] Về pháp luật tố tụng: Tranh chấp trong vụ án là "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình" theo quy định tại khoản 1 điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Toà án nhân dân nhân dân thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Anh Nguyễn Hồng T đã được Tòa án giao, gửi các văn bản tố tung theo quy định nhưng tại phiên tòa anh Thanh vắng mặt, vì vậy Tòa án tiến hành xét xử là đúng quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Anh Nguyễn Hồng T có quyền và nghĩa vụ sau khi xét xử theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[2]Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Hồng T kết hôn tuân thủ đầy đủ các điều kiện kết hôn và thủ tục về kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình, do đó quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh T là hợp pháp.

Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng chị D và anh T đã diễn ra từ lâu, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống trong nhiều vấn đề của cuộc sống vợ chồng, gia đình hai bên vợ chồng cũng có góp ý, vợ chồng cũng đã cố gắng hòa giải nhưng không được. Hiện tại vợ chồng đã sống ly thân hoàn toàn từ năm 2014 cho đến nay mỗi người một nơi.

Từ những nhận định trên, có đủ cơ sở xác định mâu thuẫn giữa chị D và anh Thanh đã đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của luật Hôn nhân và gia đình 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị D.

[3]Về con chung: Chị D và anh T có hai con chung là 02 con là Nguyễn Tuyết N, sinh ngày 02/9/2010, cháu Nguyễn Minh A, sinh ngày 10/12/2011. Hội đồng xét xử xác định chị D, anh T đều có điều kiện để nuôi con, đảm bảo được sự phát triển tốt nhất về tâm sinh lý, thể chất, sinh hoạt của các cháu. Vì vậy giao cháu

Nguyễn Minh A cho chị D được trực tiếp nuôi đến khi cháu Minh A đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Giao cháu Nguyễn Tuyết N cho anh T được trực tiếp nuôi đến khi cháu N đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân gia đình, và cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Nguyễn Tuyết N là được ở với bố, cháu Nguyễn Minh A được ở với mẹ. Ghi nhận sự tự nguyện của chị D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

[4]Về tài sản chung, công sức: Chị Nguyễn Thị D xác nhận là không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Nợ chung: Chị Nguyễn Thị D xác nhận là không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Tại phiên tòa anh Nguyễn Hồng T không có mặt, do vậy Hội đồng xét xử giành quyền khởi kiện cho anh Thanh bằng một vụ kiện dân sự khác về phần tài sản chung, công sức, nợ chung khi có đủ căn cứ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[6]Về án phí: Chị Nguyễn Thị D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản1 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a, khoản 1, Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 1, khoản 2 Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 6, điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết.

Xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị D, chị Nguyễn Thị D được ly hôn anh Nguyễn Hồng T.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị D được trực tiếp nuôi con chung là Nguyễn Minh A, sinh ngày 10/12/2011. Giao cho anh Nguyễn Hồng T được trực tiếp nuôi con chung là Nguyễn Tuyết N, sinh ngày 02/9/2010, đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Hồng T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được ngăn cấm.

Về trợ cấp nuôi dưỡng con chung: Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Hồng T cho đến khi có sự thay đổi khác.

3. Về tài sản chung, công sức, nợ chung: Chị T xác định là không có.

4. Giành quyền khởi kiện cho anh Nguyễn Hồng T bằng một vụ kiện dân sự khác về phần tài sản chung, công sức, nợ chung khi có đủ căn cứ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị D phải chịu toàn bộ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đồng. Đối trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị Nguyễn Thị D đã nộp tại biên lai thu số AA/2020/0056297 ngày 23/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị D, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Hồng T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ.

“ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thị hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự“.

Nơi nhận:
-Các đương sự.
- TAND TP Hà Nội;
- VKSND TX Sơn Tây;
- Chi cục THADS TX Sơn Tây;
- UBND Nơi ĐKHK, ĐKKH.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lã Hùng Cường